BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

---- ---- ----

NGUYỄN THỊ ĐỨC LOAN

CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC VẬN DỤNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP KHAI THÁC, CHẾ BIẾN VÀ KINH DOANH ĐÁ XÂY DỰNG Ở CÁC TỈNH ĐÔNG NAM BỘ

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

TP. Hồ Chí Minh – Năm 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

---- ---- ----

NGUYỄN THỊ ĐỨC LOAN

CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC VẬN DỤNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP KHAI THÁC, CHẾ BIẾN VÀ KINH DOANH ĐÁ XÂY DỰNG Ở CÁC TỈNH ĐÔNG NAM BỘ

Chuyên ngành: Kế toán
Mã ngành: 9.34.03.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

TP. Hồ Chí Minh – Năm 2019

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Mai Ngọc Anh

TS. Trần Anh Hoa

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp

Trường họp tại:

Vào hồi: giờ ngày tháng năm 2019

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngành khai thác chế biến và kinh doanh (KTCBKD) đá xây dựng bên cạnh hiệu quả hoạt động kinh doanh cao và có triển vọng phát triển trong những năm tới. Tuy nhiên, đây là ngành kinh doanh gắn liền với trách nhiệm xã hội như môi trường, tiếng ồn, khói bụi và chịu sự ảnh hưởng bởi trữ lượng khai thác khoáng sản, thời hạn được khai thác, quản lý nguồn tài nguyên,…. Kết hợp với tiềm năng phát triển ngành từ năm 2020-2030 và sự thu hẹp quá trình hoạt động SXKD do hết hạn các mỏ đá được khai thác. Từ đó, các nhà đầu tư, cổ đông thúc đẩy các nhà quản lý DN cần phải linh hoạt trong quá trình quản lý điều hành, phải xây dựng chiến lược ngắn hạn và dài hạn, cần thông tin liên quan KTQTCP để có cơ sở ra quyết định kịp thời, hiệu quả và phù hợp nhằm giúp doanh nghiệp đứng vững trong nền kinh tế có nhiều cơ hội và cũng lắm thách thức nhằm phát huy thế mạnh của ngành, phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ môi trường, góp phần phát triển kinh tế Việt Nam bền vững.

Hiện nay ở Việt Nam, các nghiên cứu về xây dựng hay tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí cho các doanh nghiệp với từng ngành nghề cụ thể thì rất nhiều. Tuy nhiên, mảng đề tài nghiên cứu về các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCT trong DN hiện nay không nhiều. Vì thế, luận án đã đóng góp về mặt lý luận cho nghiên cứu về KTQTCP, đặc biệt là các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP trong lĩnh vực KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ, cũng như vai trò của KTQTCP, góp phần giúp DN tăng cường việc vận dụng KTQTCP vào DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ đạt hiệu quả.

2. Mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu

Vấn đề nghiên cứu được đặt ra của đề tài là: ***Các nhân tố tác động đến việc vận dụng kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp khai thác, chế biến và kinh doanh đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ.***

Mục tiêu chung*:* Nghiên cứu các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP tại các DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ.

Mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu nghiên cứu 1: Khám phá, nhận diện các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP đối với các DN hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản (đá) xây dựng;

Mục tiêu nghiên cứu 2: Đánh giá và đo lường các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP ở các DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ.

Câu hỏi nghiên cứu:

Câu hỏi 1: Những nhân tố nào ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP đối với các DN trong lĩnh vực KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ?

Câu hỏi 2: Mức độ ảnh hưởng của các từng nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP ở các DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ như thế nào?

3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP tại các DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ. KTQTCP cung cấp thông tin cho nhà quản trị trong việc ra quyết định, do đó đối tượng khảo sát là nhà quản lý cấp cao và cấp trung của 43 DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ.

Phạm vi nghiên cứu: (1) Đề tài nghiên cứu về kế toán quản trị chi phí, do đó tập trung khảo sát bộ phận quản lý cấp cao và cấp trung trong các DN; (2) Đề tài chỉ khảo sát đối với các DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ. (3) Đề tài chỉ khảo sát thực trạng công tác KTQTCP tại 43 DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ.

4. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng phương pháp hỗn hợp bao gồm nghiên cứu định tính và định lượng.

- Tổng kết các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, lý thuyết nền có liên quan đến KTQTCP, kết hợp với kết quả phỏng vấn chuyên gia, tác giả đề xuất mô hình lý thuyết gồm 6 giả thuyết nghiên cứu.
- Nghiên cứu định lượng dùng phân tích mô hình hồi quy và thực hiện các kiểm định. Phương pháp phân tích trong nghiên cứu của luận án: Kiểm định tương quan từng phần của các hệ số hồi quy, Kiểm định sự phù hợp của mô hình, Kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến, tự tương quan và phương sai phần dư không đổi. Luận án sử dụng phần mềm SPSS 20.0 là công cụ phân tích dữ liệu chủ yếu.

5. Kết quả nghiên cứu

Kết quả kiểm định mô hình đo lường cho thấy thang đo các khái niệm nghiên cứu đều có độ tin cậy cao và đạt được giá trị cần thiết. Mô hình nghiên cứu có 6 nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP trong các DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ. Với thang đo đã được kiểm định là đủ điều kiện giá trị và độ tin cậy, kết quả nghiên cứu có ý nghĩa góp phần hình thành thang đo cho các nghiên cứu về nhân tố tác dụng đến việc vận dụng KTQTCP vào

trong các DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ. Bên cạnh đó, thang đo được xây dựng là cá nhân (nhà quản trị cấp cao và cấp trung) với sự hiểu biết về KTQTCP là khác nhau, nhưng kết quả cho thấy độ tin cậy, giá trị phân biệt cao. Do đó có sự nhất quán cao trong vấn đề đo lường các khái niệm về việc vận dụng KTQTCP vào trong các DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ. Với kết quả nghiên cứu trên, nhà quản trị DN có thể tăng cường việc vận dụng KTQTCP vào trong các DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ đạt hiệu quả, góp phần kiểm soát chi phí, cung cấp thông tin kịp thời, phù hợp cho nhà quản trị trong việc ra quyết định quản lý và điều hành, góp phần làm tăng giá trị DN, phát triển bền vững.

6. Đóng góp mới của luận án

Nghiên cứu của luận án có những đóng góp về lý thuyết và thực tiễn như sau:

6.1. Đóng góp về mặt lý thuyết

Luận án đã đưa ra được bằng chứng thực nghiệm về việc xác định, đo lường và đánh giá mối liên hệ giữa các nhân tố có ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP trong các DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ. Kết quả nghiên cứu của luận án có một số đóng góp mới về lý thuyết.

Thứ nhất, đã phát hiện nhân tố mới ***"Kiểm soát chi phí môi trường"*** có ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP, đồng thời cũng chứng minh sự khác biệt so với một số nghiên cứu trước có liên quan đến các nhân tố ***"Quy định pháp lý về quản lý và khai thác tài nguyên"*** và ***"Kiểm soát chi phí môi trường"*** có ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP trong các DNKTCBKD đá xây dựng.

Thứ hai, đã thiết lập một số thang đo mới có tính đặc thù liên quan đến một số nhân tố có ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP trong các DNKTCBKD đá xây dựng.

Những đóng góp mới nói trên có giá trị về mặt học thuật làm sáng tỏ ảnh hưởng của các nhân tố đến việc vận dụng KTQTCP tại các DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ nói riêng và Việt Nam nói chung.

6.2. Đóng góp về thực tiễn quản trị doanh nghiệp

Thông qua việc nhận diện và đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP trong các DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ, luận án đã đưa ra được một số hàm ý có giá trị tham khảo cho các DNKTCBKD đá xây dựng trong việc tổ chức thực hiện KTQTCP tại đơn vị, để qua đó tạo được các thông tin hữu ích góp phần tăng cường công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh và phát triển bền vững.

7. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, Luận án được trình bày với cấu trúc như sau:

Chương 1 trình bày tổng quan về luận án, Chương 2 tổng kết các lý thuyết và các nghiên cứu trước, Chương 3 trình bày Thiết kế nghiên cứu, Chương 4 trình bày kết quả nghiên cứu và bàn luận, Chương 5 kết luận nội dung nghiên cứu của Luận án.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Nội dung chương này, tác giả sẽ trình bày một cách tổng quát về các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học trong nước và thế giới trước đây về các vấn đề liên quan đến KTQTCP. Từ đó, tác giả xác định khe hổng của các nghiên cứu trước làm cơ sở để xác định vấn đề nghiên cứu của mình. Qua đó tác giả khẳng định rằng việc nghiên cứu luận án này là cần thiết.

1.1. TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU CÔNG BỐ Ở NƯỚC NGOÀI

1.1.1. Các nghiên cứu về lợi ích và sự cần thiết khi vận dụng KTQTCP

KTQTCP là công cụ hữu ích trong quản lý kinh tế của các DN. Nội dung KTQTCP bao gồm hệ thống cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch, kiểm soát và đưa ra các quyết định nội bộ Chang (2001). Tác giả khẳng định KTQTCP ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả tổ chức quản trị DN, đặc biệt trong môi trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay. Tác giả nhận định sự phát triển của lý thuyết KTQTCP kết hợp với công nghệ thông tin tạo thành một công cụ hữu hiệu trong công tác quản trị của DN. Eva; Heidhues & Chris Patel (2008), nhận định các nhà quản trị DN cần phải sử dụng thông tin KTQTCP trong quá trình ra quyết định.

1.1.2. Nghiên cứu các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP tại các DN

Tổng hợp các công trình nghiên cứu của các tác giả ở nước ngoài đã trình bày những nhân tố ảnh hưởng KTQTCP. Mỗi tác giả đưa ra một số các nhân tố sau đó tiến hành khảo sát ở từng ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh khác nhau ở các quốc gia xem xét sự tác động của các nhân tố tác động việc vận vận dụng KTQTCP. Kết quả tổng hợp các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP: (1) Chiến lược kinh doanh; (2) Trình độ nhân viên kế toán trong DN; (3) Mối quan hệ giữa lợi ích và chi phí; (4) Mức độ cạnh tranh của thị trường; (5) Nguồn lực khách hàng; (6) Đặc thù ngành nghề kinh doanh; (7) Bộ máy quản lý; (8) Nhu cầu thông tin; (9) Phương pháp thực hiện; (10) Văn hóa doanh nghiệp; (11) Quy trình sản xuất sản phẩm; (12) Ứng dụng công nghệ thông tin.

1.2. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

1.2.1. Tổng hợp những nghiên cứu về KTQTCP

Các công trình nghiên cứu tại Việt Nam về KTQTCP có rất nhiều đề tài đã thực hiện và thành công. Tuy nhiên, nội dung các nghiên cứu phần lớn tập trung vào việc xây dựng nội dung KTQTCP trong DN với nhiều ngành nghề khác nhau.

1.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP trong DN

Tác giả Đoàn Ngọc Phi Anh (2012) có nghiên cứu về các nhân tố tác động đến kế toán quản trị chiến lược cho các DN Việt Nam nói chung, bằng phương pháp nghiên cứu định lượng nhận định có 3 nhóm nhân tố tác động như: (1) Mức độ cạnh tranh, (2) Phân cấp quản lý, (3) Thành quả hoạt động của DN có mối quan hệ tỉ lệ thuận với việc vận dụng kế toán quản trị chiến lược trong DN. Nhóm tác giả (Nguyễn Hoản, 2011; Nguyễn Hải Hà, 2016) xác nhận có các nhân tố tác động đến KTQTCP: (1) Trình độ nhân viên kế toán trong DN; (2) Đặc thù ngành nghề kinh doanh; (3) Bộ máy quản lý; (4) Các quy định pháp lý liên quan đến ngành nghề kinh doanh; (5) Nhận thức về KTQTCP của nhà quản trị DN; (6) Ứng dụng công nghệ thông tin. Các tác giả chỉ dừng lại ở việc đưa ra các nhân tố ảnh hưởng đến công tác KTQTCP trong DN nhưng chưa kiểm định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố và sự tác động lẫn nhau giữa các nhân tố với việc vận dụng KTQTCP trong DN.

1.3. NHẬN XÉT VỀ CÁC NGHIÊN CỨU

1.3.1. Đối với các công trình ở nước ngoài

1.3.2. Đối với các công trình ở trong nước

1.3.3. Xác định khe hổng nghiên cứu

Tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước chưa có nghiên cứu cụ thể về các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP trong lĩnh vực KTCBKD đá xây dựng. Đặc biệt là nhân tố *"Kiểm soát chi phí môi trường"* liên quan ngành KTCBKD đá xây dựng. Do đó, nghiên cứu các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP tại DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ là rất cần thiết nhằm các DN tập trung vào chiến lược kinh doanh, đảm bảo lợi nhuận ổn định và phát triển bền vững.

1.3.4. Định hướng nghiên cứu của tác giả

Tóm tắt chương 1

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KTQTCP TRONG DN

2.1.1. Bản chất của KTQTCP

Đã trình bày trong Luận án.

2.1.2. Vai trò, chức năng của KTQTCP

Hansen – Mowen (2003, 69): "Vai trò của kế toán quản trị chi phí: lập kế hoạch, kiểm soát chi phí và đưa ra quyết định"

2.2. ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC DN TRONG LĨNH VỰC KTCBKD ĐÁ XÂY DỰNG Ở CÁC TỈNH ĐÔNG NAM BỘ

2.2.1. Sản phẩm đá xây dựng

2.2.2. Quy trình khai thác, chế biến và kinh doanh đá xây dựng

2.2.3. Các chất thải và ảnh hưởng từ KTCBKD đá xây dựng đến môi trường

2.2.4. Một số kết quả đạt được của ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ

2.2.5. Đặc điểm của ngành KTCBKD đá xây dựng ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP trong DN

2.3. LÝ THUYẾT NỀN TẢNG

2.3.1. Lý thuyết ngẫu nhiên (Contigency Theory)

Lý thuyết ngẫu nhiên giúp tác giả hình thành nên ý tưởng về tác động các nhân tố như: chiến lược kinh doanh, môi trường cạnh tranh, các quy định pháp lý, trình độ nhân viên kế toán, ứng dụng công nghệ thông tin, nhu cầu thông tin và phương pháp thực hiện các kỹ thuật hiện đại trong quá trình kiểm soát chi phí.

2.3.2. Lý thuyết đại diện (Agency theory)

Theo Healy và Palepu (2001), cho rằng trong DN luôn có sự tồn tại mối quan hệ giữa người chủ DN và người điều hành. Lý thuyết đại diện được tác giả vận dụng để giải thích cho các nhân tố ảnh hưởng như: Tổ chức phân quyền, sự hiểu biết và nhận thức về KTQTCP của nhà quản trị DN, trình độ nhân viên kế toán.

2.3.3. Lý thuyết quan hệ lợi ích – chi phí (Cost benefit theory)

Tác giả vận dụng lý thuyết quan hệ lợi ích – chi phí có ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP thông qua hai nhân tố: mức chi phí đầu tư cho việc tổ chức kế toán quản trị và lợi ích do thông tin kế toán quản trị mang lại cho DN.

2.3.4. Lý thuyết hợp pháp (Legitimacy theory)

Tác giả sử dụng lý thuyết này để giải thích cho hai nhân tố mà có ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP trong DN là kiểm soát chi phí quản lý môi trường, quy định pháp lý bảo vệ tài nguyên trong lĩnh vực khai thác khoáng sản.

2.3.5. Lý thuyết các bên liên quan (Stakeholder theory)

Tác giả vận dụng lý thuyết này để giải thích cho các nhân tố đặc thù ngành nghề kinh doanh, quy định pháp lý liên quan ngành nghề, mức độ cạnh tranh, nguồn lực khách hàng.

2.4. KHÁI NIỆM NHÂN TỐ

2.5. TỔNG HỢP CÁC NHÂN TỐ DỰ KIẾN TÁC ĐỘNG ĐẾN VẬN DỤNG KTQTCP TRONG CÁC DNKTCBKD ĐÁ XÂY DỰNG Ở CÁC TỈNH ĐÔNG NAM BỘ

Gồm 16 nhân tố.

TÓM TẮT CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU

Ở chương này, tác giả sẽ trình bày những nội dung cụ thể: Khung NC và quy trình NC; Phương pháp NC; Mô hình NC và giả thuyết NC; Xây dựng thang đo cho các nhân tố: nhằm mục tiêu kiểm định lý thuyết và xây dựng mô hình, tác giả tiến hành xây dựng các thang đo để đo lường các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP trong các DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ; Mẫu khảo sát, cách thức chọn mẫu; Phương pháp thu thập dữ liệu.

3.1. KHUNG VÀ QUY TRÌNH NGHIÊN CỨU

3.1.1. Khung nghiên cứu

Khung nghiên cứu được trình bày trong luận án

3.1.2. Quy trình nghiên cứu

Quy trình nghiên cứu được thực hiện thông qua hai bước chính là nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng.

3.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.2.1. Nghiên cứu định tính

NC định tính với nội dung chính: xác định các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP trong các DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ.

3.2.2. Nghiên cứu định lượng

Sau nghiên cứu định tính, tác giả tiến hành đo lường các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP trong các DN ngành KTCBKD đá

xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ thông qua các phép kiểm định thích hợp và mô hình hồi qui.

3.2.2.1. Nghiên cứu định lượng được thực hiện qua các bước

3.2.2.2. Nội dung nghiên cứu định lượng

Kiểm định giả thuyết nghiên cứu

3.3. MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU

3.3.1. Mô hình nghiên cứu

Xét từng nhân tố liên quan đến việc vận dụng KTQTCP trong các DN ngành KTCBKD đá xây dựng.

Sơ đồ 3.6: Mô hình nghiên cứu dự kiến

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Từ những nội dung đã trình bày mục 3.1, 3.2, tác giả đề xuất phương trình hồi quy dự kiến phản ánh mối tương quan giữa ***"Các nhân tố***

tác động việc vận dụng KTQTCP trong các DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ" theo phương trình hồi qui như sau:

Đối với các yêu cầu chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP trong các DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ.

KQVD= $\alpha + \boldsymbol{ß_1} X1 + \boldsymbol{ß_2} X2 + \boldsymbol{ß_3} X3 + \boldsymbol{ß_4} X4 + \boldsymbol{ß_5} X5 + \boldsymbol{ß_6} X6 + \varepsilon$

KQVD: ***Nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP vào trong các DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ (KQVD)***

3.3.2. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết NC và mô hình NC là hai công cụ phổ biến được sử dụng để hỗ trợ quá trình phân tích định lượng trong nghiên cứu.

Thông qua quá trình phân tích định tính trong giai đoạn nghiên cứu khám phá, tác giả đưa ra các giả thuyết nghiên cứu như sau:

Giả thuyết 1: Nhân tố chiến lược kinh doanh có tác động đến việc vận dụng KTQTCP tại các DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ.

Giả thuyết 2: Nhân tố quy định pháp lý có tác động đến việc vận dụng KTQTCP tại các DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ.

Giả thuyết 3: Nhân tố kiểm soát chi phí môi trường có tác động đến việc vận dụng KTQTCP tại các DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ.

Giả thuyết 4: Nhân tố trình độ nhân viên kế toán có tác động đến việc vận dụng KTQTCP tại các DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ.

Giả thuyết 5: Nhân tố nhận thức về KTQTCP của nhà quản trị DN có tác động đến việc vận dụng KTQTCP tại các DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ.

Giả thuyết 6: Nhân tố mối quan hệ giữa lợi ích và chi phí có tác động đến việc vận dụng KTQTCP tại các DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ.

3.4. THANG ĐO

3.4.1. Nguyên tắc xây dựng thang đo

3.4.2. Thang đo đo lường các nhân tố tác động việc vận dụng KTQTCP trong các DN

(1) Thang đo đo lường các nhân tố này được xây dựng dựa trên thang đo của các nghiên cứu trước và được tác giả điều chỉnh khi sử dụng cho nghiên cứu trong lĩnh vực KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ thông qua ý kiến thu thập từ thảo luận tay đôi, thảo luận nhóm với các chuyên gia. Những thang đo của các nhân tố được điều chỉnh như: (1) Chiến lược kinh doanh; (2) Quy định pháp lý; (3) Nhận thức về KTQTCP; (4) Quan hệ giữa lợi ích và chi phí; (5) Trình độ nhân viên kế toán.

(2) Xây dựng thang đo mới cho nhân tố *"Kiểm soát chi phí quản lý môi trường"* thông qua ý kiến thu thập từ thảo luận tay đôi, thảo luận nhóm với các chuyên gia.

3.5.1. Kích thước mẫu nghiên cứu

Cách chọn mẫu trong nghiên cứu định tính, tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu lý thuyết.[1]

---

[1] Tìm hiểu phương pháp chọn mẫu lý thuyết xem Mục chọn mẫu trong nghiên cứu định tính của giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh của tác giả Nguyễn Đình Thọ (2012, 103)

Cách chọn mẫu khi nghiên cứu thực trạng vận dụng KTQTCP trong các DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ bằng cách gửi phiếu điều tra đến 43 DN.

Mẫu khảo sát nghiên cứu trong định lượng là 213 nhà quản trị cấp cao và cấp trung tại 43 DNKTCBKD đá xây dung ở các tỉnh Đông Nam Bộ.

3.6. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP, XỬ LÝ DỮ LIỆU

3.6.1. Thu thập dữ liệu

Đã trình bày trong Luận án

3.6.2. Xử lý dữ liệu

Tác giả sử dụng phần mềm SPSS.20 phục vụ cho việc phân tích, thống kê, xử lý dữ liệu và chạy hồi quy tuyến tính. (Đinh Phi Hổ, 2014)

TÓM TẮT CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Ở chương này, tác giả sẽ trình bày những nội dung cụ thể: Kết quả khảo sát của chuyên gia; Kết quả điều tra sơ bộ nhằm kiểm định thang đo; Điều tra chính thức bao gồm giới thiệu mẫu điều tra, phương pháp điều tra, đối tượng điều tra; Phân tích nhân tố khám phá EFA; Kiểm định mô hình hồi quy.

4.1. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH

4.1.1. Kết quả nội dung khảo sát thực trạng vận dụng KTQTCP vào các DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ.

Nội dung trình bày trong Luận án.

4.1.2. Về nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP trong các DN.

Kết quả có 6 nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP vào DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ gồm: Quan hệ giữa lợi ích và chi phí; Chiến lược kinh doanh; Quy định pháp lý về quản lý và khai thác tài nguyên; Trình độ nhân viên kế toán trong DN; Nhận thức của người quản lý về KTQTCP; Kiểm soát chi phí môi trường

4.1.3. So sánh với các nghiên cứu trước

So với kết quả nghiên cứu trước đây trong và ngoài nước thì nhân tố "Kiểm soát chi phí quản lý môi trường" là nhân tố mới được khám phá và có ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP vào DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ.

Các nhân tố từ các nghiên cứu trước vẫn được giữ lại như: (1) Chiến lược kinh doanh; (2) Trình độ nhân viên kế toán DN; (3) Quan hệ lợi ích và chi phí; (4) Nhận thức về KTQTCP của nhà quản trị DN có tác động đến việc vận dụng KTQTCP. Kết quả nghiên cứu này giống với những nghiên cứu trước đây của tác giả Tuan Zainun Tuan Mat (2010); Ulf Diefenbach, Andreas, Wald Ronald Gleich (2018); Radhakrishna, A., và R. Satya Raju (2015); Trần Ngọc Hùng (2016). Tuy nhiên, những tác giả trước đây nhận định các nhân tố trên có ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQT, KTQTCP cho DN nói chung. Nội dung nghiên cứu của tác giả có điểm khác so với các nghiên cứu trước là xác định các nhân tố trên có ảnh hưởng đến việc vận dụng cho các DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ. Bên cạnh đó, tác giả còn bổ sung thêm biến quan sát cho các nhân tố để phù hợp với nội dung nghiên cứu. Tác giả bổ sung biến quan sát "Vai trò của nhà quản trị có ảnh hưởng đến chiến lược của DN" thuộc nhân tố "Chiến lược kinh doanh". Đối với nhân tố "Quy định pháp lý về quản lý và khai thác tài nguyên" các biến quan sát đều

được điều chỉnh từ thang đo gốc của các tác giả Khaled Abed Hutaibat (2005), Abdel-Kader and Luther, R. (2008). Xét về nhân tố "Trình độ nhân viên kế toán trong DN" tác giả đã bổ sung thêm biến quan sát "Nhân viên kế toán có kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện KTQTCP phù hợp với đặc điểm ngành nghề hoạt động. Xét nhân tố "Nhận thức về KTQTCP của nhà quản trị DN" các biến quan sát được điều chỉnh từ thang đo gốc của tác giả Trần Ngọc Hùng (2016) từ KTQT thành KTQTCP để phù hợp với nghiên cứu về lĩnh vực KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ.

4.1.4. Về thang đo đánh giá các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP vào DN

Kết quả sau khi phỏng vấn các chuyên gia phần lớn đều có nhận định giống nhau về lý thuyết, tuy nhiên cũng có một số ý kiến bổ sung, điều chỉnh. Xét về thang đo các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQTCP trong DN đá xây dựng đã được các chuyên gia đồng ý về cách đánh giá.

4.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CHÍNH THỨC

4.2.1. Thống kê mô tả

Nội dung trình bày trong Luận án.

4.2.2. Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Nội dung trình bày trong Luận án.

4.2.3. Đánh giá giá trị thang đo – Phân tích nhân tố khám phá

Nội dung trình bày trong Luận án.

4.2.4. Thực hiện kiểm định lại chất lượng thang đo mới

Kết quả nghiên cứu, cả 06 thang đo đều thỏa mãn điều kiện, nên các thang đo đều được chấp nhận.

4.2.5. Phân tích hồi quy đa biến

a. Kiểm định giá trị phân biệt và hội tụ

Bảng 4.20: Kết quả phân tích giá trị phân biệt

Nhân tố	**AVE**	1	2	3	4	5	6
H1	0.833	***0.913***					
H2	0.575	-.023	***0.758***				
H3	0.978	.392	-.069	***0.989***			
H4	0.570	.057	.014	.040	***0.755***		
H5	0.586	.135	.121	.041	.022	***0.766***	
H6	0.541	.053	-.109	.025	.126	.027	***0.736***

Extraction Method: Principal Axis Factoring.

Rotation Method: Promax with Kaiser Normalization.

Số in đậm và in nghiêng là căn bậc hai AVE của từng nhân tố

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS-PL16

Theo kết quả của Bảng 4.19 trên thì AVE của các nhân tố dao động từ 0.541 đến 0.978 đều lớn hơn 0.5 cho thấy thang đo đạt giá trị hội tụ. Căn bậc hai trung bình phương sai trích AVE đều lớn hơn hệ số tương quan giữa các nhân tố với nhau, do đó thang đo đạt giá trị phân biệt.

b. Kiểm định hệ số hồi quy

Để nhận diện các nhân tố **tác động đến việc vận dụng KTQTCP vào các DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ**, mô hình tương quan tổng thể có dạng:

Y = f (H1, H2, H3, H4, H5, H6)

Trong đó: Y là biến phụ thuộc; H1, H2, H3, H4, H5, H6, là biến độc lập.

Tiếp tục thực hiện phương trình hồi quy tuyến tính nhằm xem xét trong các nhân tố từ H1, H2, H3, H4, H5, H6 nhân tố nào **tác động**

đến việc vận dụng KTQTCP tại các DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ (Y). Ta có kết quả như sau:

+ Mô hình có 6 biến H1, H2, H3, H4, H5, H6, có Sig.< 0,01 do đó các biến này có ý nghĩa tương quan với biến **(Y)** với độ tin cậy 99%;

b. Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình

Theo kết quả R^2 hiệu chỉnh (Adjusted R Square) là **0.66**, nghĩa là 6 biến đại diện độc lập giải thích cho sự thay đổi về việc vận dụng KTQTCP trong các DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ là 66%.

Bảng 4.21: Tóm tắt mô hình của các nhân tố ảnh hưởng

Model Summary[b]

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.821[a]	.674	**.660**	.595	1.545

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS-PL16

a. Predictors: (Constant), H6, H5, H3, H4, H2, H1

b. Dependent Variable: Y

- ***Kiểm định hệ số hồi quy:***

Tất cả các Sig <0.05. Như vậy với độ tin cậy 95% và kết quả thống kê mô tả, tác giả kết luận 6 biến H1, H2, H3, H4, H5, H6 có mối tương quan với biến phụ thuộc Y. Hơn nữa các giá trị đều có F <10 cho thấy không có hiện tượng đa công tuyến giữa các nhân tố này.

Mô hình hồi quy có dạng:

Y= 2.96 + 0.172 H1 +0.049 H2 + 0.076 H3 + 0.091 H4 + 0.080 H5 + 0.207 H6

Nhận xét:

- Tất cả các hệ số hồi quy đều mang dấu (+), có nghĩa là các nhân tố có tác động cùng chiều với việc vận dụng KTQTCP vào DNKTCBKD đá xây dựng.
- H1 có hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa = 0.241>0, có quan hệ cùng chiều với biến phụ thuộc. Khi các nhà quản trị đánh giá H1 (Chiến lược kinh doanh) tăng thêm 1 điểm thì tăng cường khả năng vận dụng KTQTCP vào DNKTCBKD đá xây dựng tăng 0.241 điểm.
- H2 có hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa = 0.003>0, có quan hệ cùng chiều với biến phụ thuộc. Khi các nhà quản trị đánh giá H2 (Trình độ nhân viên kế toán) tăng thêm 1 điểm thì tăng cường khả năng vận dụng KTQTCP vào DNKTCBKD đá xây dựng tăng 0.003 điểm.
- H3 có hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa = 0.024>0, có quan hệ cùng chiều với biến phụ thuộc. Khi các nhà quản trị đánh giá H3 (Kiểm soát chi phí môi trường) tăng thêm 1 điểm thì tăng cường khả năng vận dụng KTQTCP vào DNKTCBKD đá xây dựng tăng 0.024 điểm.
- H4 có hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa = 0.05>0, có quan hệ cùng chiều với biến phụ thuộc. Khi các nhà quản trị đánh giá H4 (Nhận thức về kế toán quản trị chi phí) tăng thêm 1 điểm thì tăng cường khả năng vận dụng KTQTCP vào DNKTCBKD đá xây dựng tăng 0.05 điểm.
- H5 có hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa = 0.05>0, có quan hệ cùng chiều với biến phụ thuộc. Khi các nhà quản trị đánh giá H5 (Quy định pháp lý) tăng thêm 1 điểm thì tăng cường khả năng vận dụng KTQTCP vào DNKTCBKD đá xây dựng tăng 0.05 điểm.

- H6 có hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa = 0.239>0, có quan hệ cùng chiều với biến phụ thuộc. Khi các nhà quản trị đánh giá H6 (Quan hệ giữa lợi ích và chi phí) tăng thêm 1 điểm thì tăng cường khả năng vận dụng KTQTCP vào DNKTCBKD đá xây dựng tăng 0.239 điểm.

c. Kiểm định phương sai phần dư không đổi

Nội dung trình bày trong Luận án.

4.3. BÀN LUẬN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.3.1. Các nhân tố ảnh hưởng

Kết quả nghiên cứu EFA cho thấy mô hình nghiên cứu việc vận dụng KTQTCP trong các DN ngành KTCBKD đá xây dựng đã giải thích được **66%** sự tác động đến việc vận dụng KTQTCP bởi 6 nhân tố đại diện, còn lại **34%** bị thất thoát bởi các nhân tố khác chưa được phát hiện.

Như vậy sáu nhân tố đại diện bao gồm: Mối quan hệ giữa lợi ích và chi phí (H6), Chiến lược kinh doanh (H1), Trình độ nhân viên kế toán trong DN (H4), Nhận thức về KTQTCP (H5), Kiểm soát chi phí quản lý môi trường (H3), Quy định pháp lý (H2) lần lượt đóng góp 30%, 25%, 14%, 12%, 11%, 7% vào việc vận dụng KTQTCP vào các DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ.

4.3.2. Bàn luận về các nhân tố

4.3.2.1. Quan hệ giữa lợi ích và chi phí

4.3.2.2. Chiến lược kinh doanh

4.3.2.3. Trình độ nhân viên kế toán

4.3.2.4. Nhận thức về kế toán

4.3.2.5. Kiểm soát chi phí quản lý môi trường

4.3.2.6. Quy định pháp lý

TÓM TẮT CHƯƠNG 4

CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. KẾT LUẬN

5.2. HÀM Ý CHÍNH SÁCH

5.2.1. Hàm ý lý thuyết

Đề tài đã chỉ ra và làm sáng tỏ những nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP cho các DN ngành KTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ.

5.2.2. Hàm ý thực tiễn

Luận án đã đưa ra được một số hàm ý có giá trị tham khảo cho các DNKTCBKD đá xây dựng trong việc tổ chức thực hiện KTQTCP tại đơn vị, để qua đó tạo được các thông tin hữu ích góp phần tăng cường công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh và phát triển bền vững.

5.3. KIẾN NGHỊ

5.3.1. Đối với Nhà nước

Thứ nhất, Cần tạo điều kiện hơn nữa giúp các DN triển khai công tác KTQT, KTQTCP.

Thứ hai, Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng và lành mạnh.

Thứ ba, Cần Nhà nước hỗ trợ nghiên cứu, phát triển của KTQTCP.

Thứ tư, Hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến ngành khai thác khoáng sản đặc biệt quan tâm đến vấn đề môi trường.

5.3.2. Đối với các DN ngành KTCBKD đá xây dựng

Để việc vận dụng KTQTCP được tổ chức có hiệu quả trong công tác quản lý thì các DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ cần:

Thứ nhất, Hoàn thiện cơ chế quản lý hoạt động SXKD của DN cho phù hợp với điều kiện và môi trường kinh doanh thực tế.

Thứ hai, Nâng cao nhận thức của nhà quản lý về KTQT, KTQTCP.

Thứ ba, Thiết kế bộ phận KTQT, KTQTCP phải phù hợp, xác lập mối quan hệ giữa bộ phận kế toán với các bộ phận khác trong nội bộ DN.

Thứ tư, Tổ chức đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ về nghiệp vụ KTQT, KTQTCP cho đội ngũ kế toán.

Thứ năm, Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật phải được đầu tư: phần mềm sử dụng phải tự động hóa và hiện đại, tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm cung cấp thông tin KTQT, KTQTCP kịp thời, đầy đủ.

5.4. HẠN CHẾ CỦA LUẬN ÁN VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU TIẾP THEO

5.4.1. Hạn chế của Luận án

Luận án có những hạn chế về mẫu nghiên cứu và các nhân tố như đặc thù quốc gia, DN chỉ có chế biến và kinh doanh không qua khai thác, các loại sản phẩm kinh doanh. Vì thế, các vấn đề này cần làm rõ hơn trong những nghiên cứu tiếp theo.

5.4.2. Hướng nghiên cứu tiếp theo

Hướng nghiên cứu tiếp theo là nghiên cứu về sản phẩm kinh doanh, nhân tố liên quan đặc thù quốc gia có ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQTCP đối với các DNKTCBKD đá xây dựng ở các tỉnh Đông Nam Bộ giúp DN ngày càng phát triển bền vững.

DANH MỤC
CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyễn Thị Đức Loan, 2017. **Sự cần thiết khi vận dụng kế toán môi trường vào trong các doanh nghiệp khai thác khoáng sản tại Việt Nam**, Tháng 6/2017, Hội thảo quốc gia, Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội.

2. Nguyễn Thị Đức Loan, 2017. **Quản trị chi phí chiến lược (SCM) - công cụ nâng cao năng lực cạnh tranh trong các doanh nghiệp Việt Nam**, 6/2017, *Tạp chí kế toán & kiểm toán*, (125). tr 40-46, ISSN 1859-1914.

3. Nguyễn Thị Đức Loan, 2017. **Sự cần thiết khi vận dụng phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm theo mô hình chi phí mục tiêu (Target - Costing) và phương pháp dựa trên hoạt động (Activity - Based Costing - ABC) vào trong các doanh nghiệp sản xuấ**t, 7/2017, *Tạp chí kế toán & kiểm toán*, (166). tr 31-35, ISSN 1859-1914.

4. Nguyễn Thị Đức Loan, 2018. **Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại công ty cổ phần đá Núi Nhỏ (NNC)**. *Tạp chí kế toán & kiểm toán*, (172+173). Tr 60-64, ISSN 1859-1914.